KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – TRỊNH CẨM LAN
CHU THỊ PHƯƠNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

# Vở bài tập
# TIẾNG VIỆT 2

## TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – TRỊNH CẨM LAN
CHU THỊ PHƯƠNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

# Vở bài tập
# TIẾNG VIỆT 2

**TẬP HAI**

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

# Mục lục


| Tuần | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| **Vẻ đẹp quanh em** | | **4** |
| **19** | **Bài 1.** Chuyện bốn mùa | **4** |
| | **Bài 2.** Mùa nước nổi | **5** |
| **20** | **Bài 3.** Hoạ mi hót | **8** |
| | **Bài 4.** Tết đến rồi | **9** |
| **21** | **Bài 5.** Giọt nước và biển lớn | **13** |
| | **Bài 6.** Mùa vàng | **14** |
| **22** | **Bài 7.** Hạt thóc | **17** |
| | **Bài 8.** Luỹ tre | **18** |
| **Hành tinh xanh của em** | | **21** |
| **23** | **Bài 9.** Vè chim | **21** |
| | **Bài 10.** Khủng long | **22** |
| **24** | **Bài 11.** Sự tích cây thì là | **25** |
| | **Bài 12.** Bờ tre đón khách | **26** |
| **25** | **Bài 13.** Tiếng chổi tre | **29** |
| | **Bài 14.** Cỏ non cười rồi | **31** |
| **26** | **Bài 15.** Những con sao biển | **33** |
| | **Bài 16.** Tạm biệt cánh cam | **34** |
| **27** | **Ôn tập giữa học kì 2** | **37** |
| **Giao tiếp và kết nối** | | **42** |
| **28** | **Bài 17.** Những cách chào độc đáo | **42** |
| | **Bài 18.** Thư viện biết đi | **43** |
| **29** | **Bài 19.** Cảm ơn anh hà mã | **46** |
| | **Bài 20.** Từ chú bồ câu đến in-tơ-nét | **47** |


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

| Tuần | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| **Con người Việt Nam** | | **50** |
| **30** | **Bài 21.** Mai An Tiêm | **50** |
| | **Bài 22.** Thư gửi bố ngoài đảo | **51** |
| **31** | **Bài 23.** Bóp nát quả cam | **54** |
| | **Bài 24.** Chiếc rễ đa tròn | **55** |
| **Việt Nam quê hương em** | | **58** |
| **32** | **Bài 25.** Đất nước chúng mình | **58** |
| | **Bài 26.** Trên các miền đất nước | **59** |
| **33** | **Bài 27.** Chuyện quả bầu | **62** |
| | **Bài 28.** Khám phá đáy biển ở Trường Sa | **63** |
| **34** | **Bài 29.** Hồ Gươm | **65** |
| | **Bài 30.** Cánh đồng quê em | **66** |
| **35** | **Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 2** | **69** |


KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

**Quy ước viết tắt dùng trong sách**

M: Mẫu

G: Gợi ý

SHS: Sách học sinh

# VẺ ĐẸP QUANH EM

## TUẦN 19

## Bài 1 CHUYỆN BỐN MÙA

1 Dựa vào bài đọc, viết tên mùa phù hợp với mỗi tranh.




..... ..... ..... .....

2 Viết tiếp để hoàn chỉnh những điều bà Đất nói về các nàng tiên trong bài đọc.

a. Xuân làm cho .....

b. Hạ cho .....

c. Thu làm cho .....

d. Còn cháu Đông, cháu .....

3 Câu nào dưới đây là câu nêu đặc điểm? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ Bốn nàng tiên cầm tay nhau trò chuyện.

☐ Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

4 Viết 1 – 2 câu về nàng tiên em thích nhất trong bài đọc.

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Bài 2 MÙA NƯỚC NỔI

**1** Dựa vào bài đọc, nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B.

| A | B |
|---|---|
| Nước | đã no đầy, lại tràn qua bờ. |
| Đồng ruộng, vườn tược, cây cỏ | lên hiền hoà. |
| Dòng sông Cửu Long | giữ lại hạt phù sa ở quanh mình. |

**2** Em thích nhất hình ảnh nào trong bài đọc?

.....

.....

**3** Đánh dấu ✓ vào ô trống trước các từ chỉ đặc điểm của mưa có trong bài đọc.

☐ dầm dề ☐ rả rích ☐ sướt mướt ☐ dai dẳng

**4** Tìm và viết thêm các từ ngữ tả mưa.

.....

**5** Viết tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng *c* hay *k* dưới mỗi hình.







.....

.....

.....

**6** Chọn a hoặc b.

a. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

cây .....e  .....ải tóc  quả .....anh

.....e mưa  .....ải nghiệm  bức .....anh

b. Viết các từ ngữ:

– có tiếng chứa *ac*: .....

– có tiếng chứa *at*: .....

**7** Điền vào chỗ trống:

a. *ch* hoặc *tr*

Đôi mắt long lanh

Màu xanh .....ong vắt

Chân có móng vuốt

Vồ .....uột rất tài.

b. *ac* hoặc *at*

Con lợn éc

Biết ăn, không biết h.....

Con vịt nâu

C..... c ..... không nên câu.

**8** a. Viết tên mùa và đặc điểm của các mùa ở miền Bắc dưới mỗi tranh.



.....



.....



.....



.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. Viết tên mùa và đặc điểm của các mùa ở miền Nam dưới mỗi tranh.





.....  .....

**9** Điền *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* vào ô trống.

– Ở miền Bắc, mùa nào trời lạnh☐

– Ở miền Bắc, mùa đông trời lạnh☐

– Ở miền Nam, nắng nhiều vào mùa nào☐

– Ở miền Nam, nắng nhiều vào mùa khô☐

– Sau cơn mưa, cây cối như thế nào☐

– Sau cơn mưa, cây cối tốt tươi☐

**10** Viết 3 – 5 câu tả một đồ vật em cần dùng để tránh nắng hoặc tránh mưa.

G: – Em muốn tả đồ vật gì?

– Đồ vật đó có gì nổi bật về hình dạng, màu sắc,...?

– Em thường dùng đồ vật đó vào lúc nào?

– Tình cảm của em đối với đồ vật đó như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Bài 3 HOẠ MI HÓT

1 Nếu được đặt tên cho bài đọc, em sẽ chọn tên nào? (đánh dấu ✓ vào ô trống dưới tên em sẽ chọn)

| Sứ giả của mùa xuân | Hoạ mi và mùa xuân | Hoạ mi hót |
|---|---|---|
| ☐ | ☐ | ☐ |

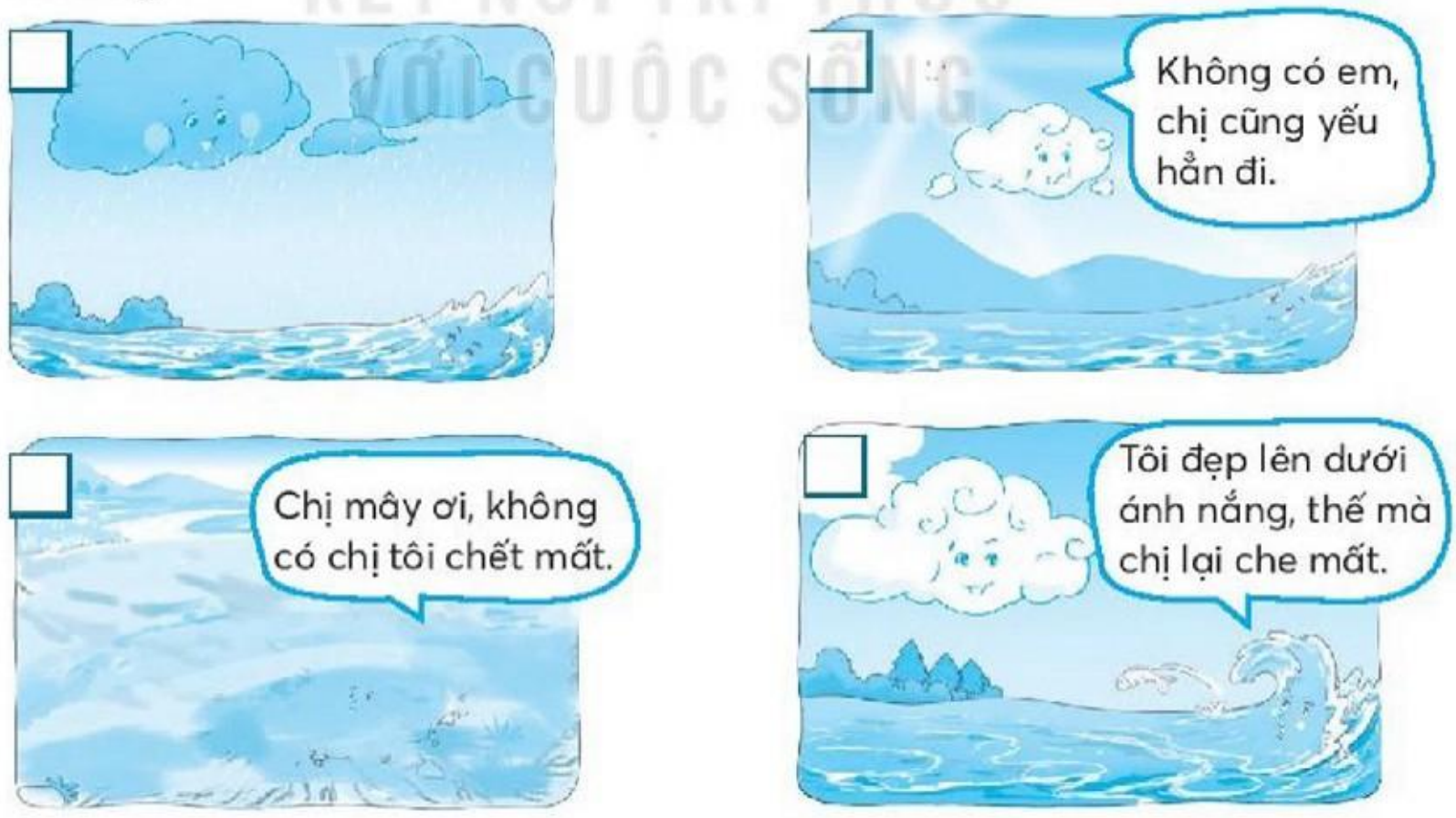
2 Đánh dấu ✓ vào ô trống trước các từ ngữ tả tiếng hót của hoạ mi có trong bài đọc.

☐ dìu dặt ☐ vang lừng ☐ líu lo ☐ trong suốt

3 Viết một câu với từ ngữ vừa chọn ở bài tập 2.

.....

4 a. Sắp xếp các tranh theo đúng trình tự của câu chuyện *Hồ nước và mây*.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. Viết 1 – 2 câu về điều em đã học được từ câu chuyện *Hồ nước và mây*.

.....

.....

## Bài 4 TẾT ĐẾN RỒI

**1** Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài đọc.

- Nói về hoa mai, hoa đào
- Giới thiệu chung về Tết
- Nói về hoạt động của mọi người trong dịp Tết
- Nói về bánh chưng, bánh tét

**2** Tìm trong bài những từ ngữ miêu tả:

a. hoa mai: .....

.....

b. hoa đào: .....

.....

**3** Viết một câu giới thiệu về loài hoa em thích.

.....

.....





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Giải ô chữ.

a. Điền từ ngữ thích hợp vào ô trống theo hàng ngang:

**1.** Bánh tét có hình .....

**2.** Loại gạo dùng để nấu xôi.

**3.** Món ăn ngày Tết, rất ngọt, làm từ hoa quả nấu với đường.

**4.** Loài hoa đặc trưng cho Tết ở miền Bắc.

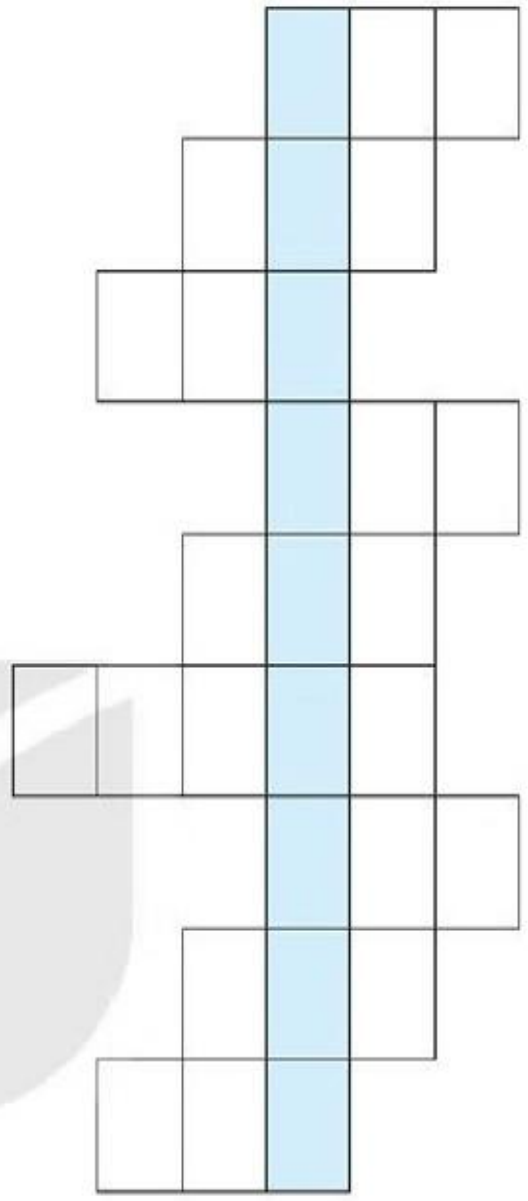
**5.** Vật để thắp sáng, hình trụ, bằng sáp.

**6.** Bánh chưng có hình .....

**7.** Hành động làm sạch lá dong trước khi gói bánh chưng.

**8.** Đồ vật dùng để luộc bánh chưng.

**9.** Loài hoa đặc trưng cho Tết ở miền Nam.




b. Ô chữ hàng dọc: .....

5 Điền *g* hoặc *gh* vào chỗ trống.

Chị tre chải tóc bên ao
Nàng mây áo trắng .....é vào soi .....ương.

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

6 Chọn a hoặc b.

a. Tìm các từ ngữ có tiếng *sinh* hoặc *xinh*.

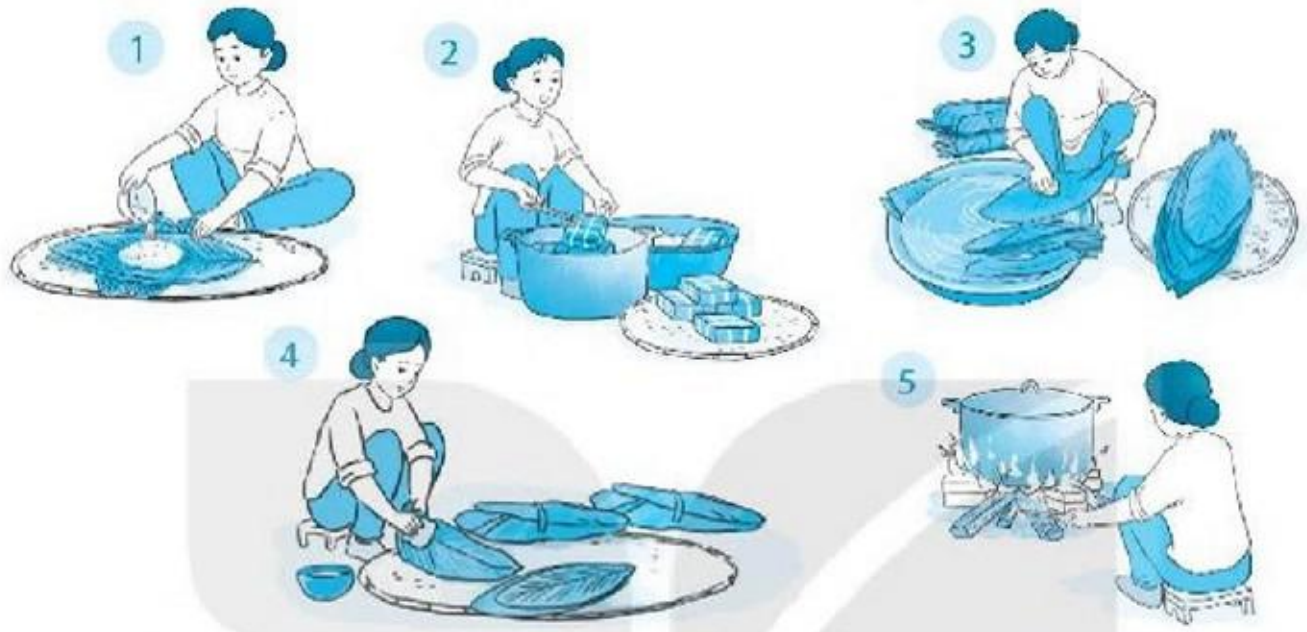
| | |
|---|---|
| **sinh** | M: sinh sống, ..... |
| **xinh** | M: xinh đẹp, ..... |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. Tìm các từ ngữ có tiếng chứa *uc* hoặc *ut*.

| | |
|---|---|
| **uc** | M: chúc mừng, ..... |
| **ut** | M: sút bóng, ..... |

**7** Quan sát các tranh và điền vào bảng ở dưới.




| Từ ngữ chỉ sự vật | Từ ngữ chỉ hoạt động | Thứ tự các bước làm bánh chưng |
|---|---|---|
| M: lá dong | M: lau lá dong | 1. ..... |
| ..... | ..... | 2. ..... |
| ..... | ..... | 3. ..... |
| ..... | ..... | 4. ..... |
| ..... | ..... | 5. ..... |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

8 Viết một câu hỏi và một câu trả lời về việc em thường làm trong dịp Tết.

M: – Bạn thường làm gì vào dịp Tết?

– Vào dịp Tết, mình thường đi thăm họ hàng.

.....

.....

9 Em hãy viết và trang trí một tấm thiệp chúc Tết gửi cho một người bạn hoặc người thân ở xa.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# TUẦN 21

## Bài 5 GIỌT NƯỚC VÀ BIỂN LỚN

1 Viết tên các sự vật được nhắc đến trong bài thơ.

.....

.....

2 Đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng về hành trình giọt nước đi ra biển.

- ☐ giọt nước – sông – biển – suối
- ☐ giọt nước – suối – sông – biển
- ☐ giọt nước – biển – sông – suối






3 Đóng vai biển, viết một câu để cảm ơn giọt nước.

.....

.....

4 Viết 1 – 2 câu về bác đom đóm già trong câu chuyện *Chiếc đèn lồng*.

.....

.....

.....

.....

.....



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Bài 6 MÙA VÀNG

**1** Dựa vào bài đọc, viết tên những công việc mà người nông dân phải làm để có mùa thu hoạch.

.....

.....

.....

**2** Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

| A | B |
|---|---|
| Quả hồng | vàng ươm. |
| Hạt dẻ | thơm dìu dịu. |
| Quả na | đỏ mọng. |
| Biển lúa | nâu bóng. |

**3** Viết một câu nêu đặc điểm của loài cây hoặc loại quả mà em thích.

.....

.....

**4** Điền tiếng bắt đầu bằng *ng* hoặc *ngh* vào chỗ trống.

Cuốc con về ..... hè

Trong đầm sen bát .....

Lá xanh xoè ô che

Hoa đưa hương ngào ngạt.

(*Theo* Nguyễn Văn Chương)

**5** Chọn a hoặc b.

a. Điền *r, d* hoặc *gi* vào chỗ trống.

Mưa .....ăng trên đồng
Uốn mềm ngọn lúa
Hoa xoan theo .....ó
.....ải tím mặt đường.

(*Theo* Nguyễn Bao)

b. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

– Vườn cây tươi tốt nhờ công (*sức/sứt*) ..... lao động của cô bác nông dân.

– Đầu xuân, dân làng nô (*nức/ nứt*) ..... ra đồng để trồng cấy.

– Nhiều loại củ, quả được dùng để làm (*mức/ mứt*) ..... Tết.

**6** Viết tên các loại cây lương thực và cây ăn quả mà em biết.

| Cây lương thực | Cây ăn quả |
|---|---|
| M: cây lúa, ..... | M: cây hồng, ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

**7** Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B để tạo câu.

| A | B |
|---|---|
| Chúng em trồng cây | để giúp thành phố thêm xanh. |
| Ông cuốc đất | để bảo vệ cây. |
| Công nhân đô thị làm rào chắn | để trồng rau. |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

8 Viết một câu về việc bạn nhỏ đang làm dưới mỗi tranh.




.....

.....




.....

.....




.....

.....




.....

.....

9 Viết 3 – 5 câu kể lại việc em và các bạn chăm sóc cây.

G: – Em và các bạn đã làm việc gì để chăm sóc cây?

– Kết quả công việc ra sao?

– Em có suy nghĩ gì khi làm xong việc đó?

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# TUẦN 22

## Bài 7 HẠT THÓC

1 Theo bài đọc, hạt thóc quý giá như thế nào với con người?

.....

.....

2 Từ nào trong bài đọc cho thấy hạt thóc tự kể chuyện về mình?

.....

3 Đóng vai hạt thóc, viết lời giới thiệu về mình.

– Tôi là .....

– Tôi sinh ra từ .....

– Tôi có ích vì .....

4 Viết một câu nêu suy nghĩ của em về hạt thóc.

.....

.....

5 Sắp xếp các tranh theo đúng trình tự của câu chuyện *Sự tích cây khoai lang*.





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG





## Bài 8 LUỸ TRE

1 Em thích hình ảnh nào nhất trong bài thơ?

.....

.....

2 Viết các từ ngữ chỉ thời gian có trong bài thơ.

.....

.....

3 Tìm và viết thêm những từ ngữ chỉ thời gian mà em biết.

.....

.....

4 Điền *uynh* hoặc *uych* vào chỗ trống.

– Các bạn chạy h..... h..... trên sân bóng.

– Nhà trường tổ chức họp phụ h..... vào Chủ nhật.

5 Chọn a hoặc b.

a. Điền *l* hoặc *n* vào chỗ trống.

Những hạt mưa li ti
Dịu dàng và mềm mại

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Gọi mùa xuân ở .....ại
Trên mắt chồi xanh .....on.

(*Theo* Nguyễn Lãm Thắng)

b. Điền *iêt* hoặc *iêc* vào chỗ trống.

Bé đi dưới hàng cây
Chỉ thấy vòm lá b.....
Nhạc công vẫn mê say
Điệu bổng trầm tha th.....

(*Theo* Nguyễn Lãm Thắng)

**6** Xếp các từ ngữ (*bầu trời, lấp lánh, trong xanh, ngôi sao, nương lúa, luỹ tre, xanh, vàng óng, dòng sông*) vào cột thích hợp.

| Từ ngữ chỉ sự vật | Từ ngữ chỉ đặc điểm |
|---|---|
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

**7** Dựa vào kết quả bài tập 6, trả lời các câu hỏi sau:

a. Ngôi sao thế nào?

.....

b. Dòng sông thế nào?

.....

c. Nương lúa thế nào?

.....

d. Bầu trời thế nào?

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

8 Viết về việc làm của từng người trong tranh.



.....

.....

.....

.....

9 Viết 3 – 5 câu kể về một sự việc em đã chứng kiến hoặc tham gia ở nơi em sống.

G:

Kể sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia

1. Em đã tham gia hoặc chứng kiến việc gì? Ở đâu?
2. Có những ai tham gia việc đó?
3. Những người tham gia đã làm gì? Làm như thế nào?
4. Em có suy nghĩ gì khi chứng kiến (hoặc tham gia) việc đó?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

# HÀNH TINH XANH CỦA EM

## TUẦN 23

## Bài 9 VẺ CHIM

1 Dựa vào bài đọc, nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B.

| A | B |
|---|---|
| sáo | hay nhặt lân la |
| chim sẻ | hay nghịch hay tếu |
| chèo bẻo | vừa đi vừa nhảy |
| chìa vôi | giục hè đến mau |
| tu hú | hay chao đớp mồi |

2 Em thích loài chim nào nhất trong bài vè? Vì sao?

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Viết lại những từ chỉ người được dùng để gọi các loài chim dưới đây:

bác cú mèo | em sáo xinh | cậu chìa vôi | cô tu hú

.....

4 Viết một câu với từ ngữ ở bài tập 3.

M: Bác cú mèo có đôi mắt rất tinh.

.....

.....

5 Viết 1 – 2 câu về điều em thích nhất trong câu chuyện *Cảm ơn hoạ mi.*

.....

.....

.....



## Bài 10 KHỦNG LONG

1 Bài đọc cho biết những thông tin nào về khủng long? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ thường sống ở vùng đất khô
- ☐ có kích thước khổng lồ
- ☐ ăn cỏ hoặc ăn thịt
- ☐ hung dữ

2 Dựa vào bài đọc, nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B.

| A | B |
|---|---|
| tai | thẳng và rất khoẻ |
| mắt | cứng |
| đầu | tinh tường |
| chân | thính |

3 Trả lời các câu hỏi sau:

a. Tai khủng long thế nào?

.....

b. Mắt khủng long thế nào?

.....

c. Chân khủng long thế nào?

.....

**4** Điền *uya* hoặc *uyu* vào chỗ trống.

– Đường lên núi quanh co, khúc kh..... .

– Mẹ tôi thức kh..... dậy sớm làm mọi việc.

**5** Chọn a hoặc b.

a. Viết tên loài vật có tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu* dưới mỗi hình.







.....  .....  .....

b. Viết tên loài vật có tiếng chứa *uôc* hoặc *uôt* dưới mỗi hình.







.....  .....  .....

**6** Gạch dưới các từ ngữ gọi tên loài vật xuất hiện trong tranh.



voi  hổ  khỉ  gà  báo

kì nhông  công  thỏ  gõ kiến  ngựa

7 Viết những từ ngữ chỉ hoạt động của các con vật sống trong rừng.

.....

.....

8 Điền *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* vào ô trống.

a. Con gì có cái vòi rất dài☐

b. Con mèo đang trèo cây cau☐

c. Con gì phi nhanh như gió☐

d. Tu hú kêu báo hiệu hè sang☐

e. Ôi, con công múa đẹp quá☐

g. Con gì được gọi là chúa tể của rừng xanh☐

h. Con sóc thích ăn hạt dẻ☐

9 Viết 3 – 5 câu giới thiệu tranh (ảnh) về một con vật em yêu thích.

G: – Em nhìn thấy tranh (ảnh) ở đâu?

– Trong tranh (ảnh) có con vật nào? Con vật đó đang làm gì? Nó có đặc điểm gì nổi bật?

– Em có thích tranh (ảnh) đó không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# TUẦN 24

## Bài 11 SỰ TÍCH CÂY THÌ LÀ

1 Trong bài đọc, cây cối kéo nhau lên trời để làm gì?

.....

2 Để được trời đặt tên, cái cây dáng mảnh khảnh, lá nhỏ xíu đã giới thiệu về mình như thế nào?

.....

.....

3 Vì sao cây nhỏ có tên là "thì là"? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ Vì cây nhỏ thích cái tên đó.

☐ Vì trời đặt tên cho cây như vậy.

☐ Vì cây tưởng trời đặt tên cho mình như vậy.

4 Viết 1 – 2 câu về cây thì là trong câu chuyện *Sự tích cây thì là*.

.....

.....

.....

.....

.....



5 Viết tên các loài cây ở xung quanh em.

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Bài 12 BỜ TRE ĐÓN KHÁCH

1 Trong bài đọc, có những con vật nào đến thăm bờ tre?



.....

.....

2 Dựa vào bài đọc, nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B.

| A | B |
|---|---|
| đàn cò bạch | gật gù ca hát |
| chú bói cá | hạ cánh reo mừng |
| bầy chim cu | đứng im như tượng đá |
| chú ếch | đỗ xuống rồi bay lên |
| bác bồ nông | ì ộp vang lừng |

3 Tìm các từ ngữ trong bài thể hiện niềm vui của các con vật khi đến bờ tre.

.....

.....

4 Viết một câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 3.

.....

.....

**5** Điền *d* hoặc *gi* vào chỗ trống.

a. Cây .....ừa xanh toả nhiều tàu
.....ang tay đón .....ó, gật đầu gọi trăng.

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

b. Mẹ .....ang đôi cánh
Con biến vào trong
Mẹ ngẩng đầu trông
Bọn .....iều, bọn quạ.

Bây .....ờ thong thả
Mẹ đi lên đầu
Đàn con bé tí
Líu ríu chạy sau.

(*Theo* Phạm Hổ)

**6** Chọn a hoặc b.

a. Điền *iu* hoặc *ưu* vào chỗ trống.

– Xe c..... hoả chạy như bay đến nơi có đám cháy.
– Chim hót r..... rít trong vòm cây.
– Cây bưởi nhà em quả sai tr..... cành.

b. Điền *ươc* hoặc *ươt* vào chỗ trống.

– Hoa thược d..... nở rực rỡ trong vườn.
– Những hàng liễu rủ th..... tha bên hồ.
– N..... ngập mênh mông.

**7** Xếp các từ dưới đây vào cột thích hợp.

đầu | dê | cổ | bò | chân | gà
lợn | đuôi | cánh | mắt | mỏ | vịt

| Từ chỉ con vật | Từ chỉ bộ phận của con vật |
|---|---|
| M: dê, ..... | M: đầu, ..... |
| ..... | ..... |

8 Viết vào chỗ trống từ ngữ chỉ đặc điểm (bộ lông, đôi mắt, cặp sừng,...) của các con vật sau:

– Chó: .....

– Trâu: .....

– Gà: .....

– Mèo: .....

9 Viết một câu về một bộ phận của con vật nuôi trong nhà.

M: Lông gà con **vàng óng**.

.....

.....

10 Viết 3 – 5 câu kể lại hoạt động của một con vật mà em quan sát được.

G: – Em muốn kể về con vật nào?

– Em đã được quan sát kĩ con vật đó ở đâu? Khi nào?

– Kể lại những hoạt động của con vật đó.

– Nêu nhận xét của em về con vật đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# TUẦN 25

## Bài 13 TIẾNG CHỔI TRE

1 Dựa vào bài đọc, cho biết chị lao công làm việc vào những thời gian nào.

.....

.....

2 Những câu thơ sau nói lên điều gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

"Những đêm hè
Đêm đông gió rét
Tiếng chổi tre
Sớm tối
Đi về"



☐ sự chăm chỉ của chị lao công

☐ niềm tự hào của chị lao công

☐ sự thay đổi của thời tiết đêm hè và đêm đông

3 Tìm từ miêu tả âm thanh của tiếng chổi tre trong đoạn thơ thứ nhất.

.....

.....

.....

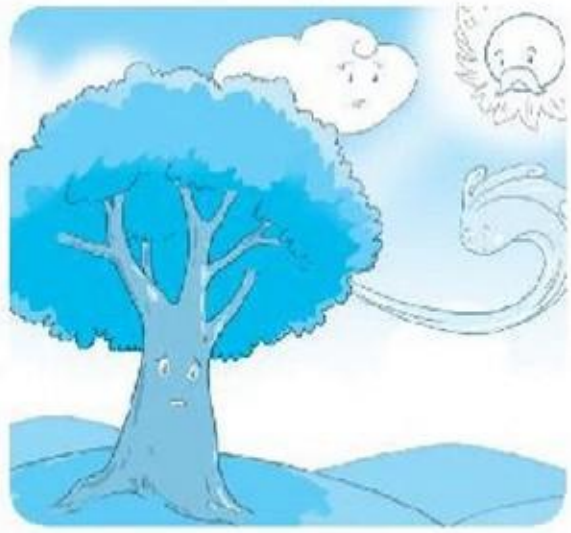
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Nhớ lại nội dung câu chuyện *Hạt giống nhỏ*, viết tiếp để hoàn thành câu phù hợp với nội dung của từng tranh.



Hạt giống nhỏ trở thành một cái cây cao, to, khoẻ mạnh nhờ .....

.....



Sống trên đồi vắng, cây mong

.....

.....

.....



Mong muốn của cây được thực hiện .....

.....



Quả đồi vắng đã .....

.....

.....

5 Viết 1 – 2 câu về ích lợi của cây cối đối với cuộc sống con người.

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Bài 14 CỎ NON CƯỜI RỒI

**1** Viết lại những từ ngữ trong bài đọc cho biết tâm trạng, cảm xúc của cỏ non.

.....

.....

**2** Viết một câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.

.....

.....

**3** Điền *ng* hoặc *ngh* vào chỗ trống.

Buổi sớm, muôn .....ìn giọt sương đọng trên những ngọn cỏ, lóng lánh như .....ọc.

**4** Chọn a hoặc b.

a. Điền *tr* hay *ch* vào chỗ trống.

Đồng làng vương .....út heo may
Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng .....im
Hạt mưa mải miết .....ốn tìm
Cây đào .....ước cửa lim dim mắt cười.

(*Theo* Đỗ Quang Huỳnh)

b. Điền *êt* hoặc *êch* vào chỗ trống.

– Vui như T.....

– ..... kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

– Ánh trăng chênh ch..... đầu làng.

5 Đánh dấu ✓ vào ô trống trước những từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ, chăm sóc cây.

| | | |
|---|---|---|
| ☐ tưới cây | ☐ bẻ cành | ☐ tỉa lá |
| ☐ chặt cây | ☐ vun gốc | ☐ giẫm lên cỏ |
| ☐ hái hoa | ☐ bắt sâu | |

6 Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống.

giơ tay hái | nhìn thấy | đừng hái

**CHO HOA KHOE SẮC**

Buổi sáng, bước ra vườn hồng, ..... bông hồng đỏ thắm, bé vui sướng reo lên:

– Bạn xinh đẹp, đáng yêu làm sao!

Nói rồi, bé định ..... bông hoa. Bỗng có tiếng thì thầm:

– Xin ..... tôi. Tôi sẽ rất buồn nếu không được khoe sắc cùng các bạn hoa.

7 Viết lời xin lỗi trong tình huống: Em làm việc riêng trong giờ học, bị cô giáo nhắc nhở.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

# TUẦN 26

## Bài 15 NHỮNG CON SAO BIỂN

1 Em nghĩ gì về việc làm của cậu bé trong bài đọc?

.....

.....

2 Đánh dấu ✓ vào ô trống dưới các từ ngữ chỉ hoạt động.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| cúi xuống ☐ | thả ☐ | nhặt ☐ | biển ☐ | dạo bộ ☐ |
| người đàn ông ☐ | sao biển ☐ | cậu bé ☐ | tiến lại ☐ | |

3 Chép lại câu văn trong bài đọc cho biết cậu bé nghĩ việc mình làm là có ích.

.....

.....

4 Viết tên các việc làm trong tranh. Những việc làm đó ảnh hưởng đến môi trường như thế nào?





.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG





## Bài 16 TẠM BIỆT CÁNH CAM

1 Vì sao bạn Bống trong bài đọc thả cánh cam đi?

2 Tô màu vào những chiếc lá chứa từ được dùng để miêu tả cánh cam trong bài đọc.




3 Thay bạn Bống, em hãy viết lời động viên, an ủi cánh cam khi bị thương.

**4** Điền *oanh* hoặc *oach* vào chỗ trống.

thu h..... chim ..... mới t..... l..... quanh

**5** Chọn a hoặc b.

a. Điền *s* hoặc *x* vào chỗ trống.



con .....âu



cây .....ấu hổ



củ .....u hào



cây .....ương rồng



con ốc .....ên



hoa .....oan

b. Đặt *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* trên chữ in đậm.

– Nhát như **tho**.

– **Khoe** như trâu.

– **Dư** như hổ.

**6** Gạch dưới các từ ngữ chỉ loài vật trong đoạn sau:

Rền rĩ kéo đàn
Đúng là anh dế
Suốt đời chậm trễ
Là họ nhà sên
Đêm thắp đèn lên
Là cô đom đóm
Gọi người dậy sớm
Chú gà trống choai
Đánh hơi rất tài
Anh em chú chó
Mặt hay nhăn nhó
Là khỉ trên rừng
Đồng thanh hát cùng
Ve sầu mùa hạ
Cho tơ óng ả
Chị em nhà tằm
Tắm nước quanh năm
Giống nòi tôm cá.

(*Vè loài vật*)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**7** Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B để tạo câu.

| A | B |
|---|---|
| Ve sầu | báo mùa hè tới. |
| Ong | bắt sâu cho lá. |
| Chim sâu | làm ra mật ngọt. |

**8** Viết câu hỏi và câu trả lời cho mỗi tranh theo mẫu.

M: – Chuột sống ở đâu?

– Chuột sống trong hang.



.....

.....

.....

**9** Viết 4 – 5 câu kể về việc em đã làm để bảo vệ môi trường.

G: – Em đã làm việc gì để bảo vệ môi trường?

– Em đã làm việc đó lúc nào? Ở đâu? Em làm như thế nào?

– Ích lợi của việc làm đó là gì?

– Em cảm thấy thế nào khi làm việc đó?

.....

.....

.....

.....

.....

# ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2

## TUẦN 27

### TIẾT 1 – 2

**1** Viết tên các bài đọc dưới mỗi tranh.







.....  .....  .....

**2** Viết 1 – 2 câu về một nhân vật hoặc hình ảnh em yêu thích trong những bài đã học.

.....

.....

### TIẾT 3 – 4

**3** Đọc bài thơ *Cánh cam lạc mẹ*:

a. Viết tên các con vật được nói đến trong bài thơ.

M: cánh cam, .....

.....

b. Đánh dấu ✓ vào ô trống dưới từ ngữ chỉ hoạt động có trong bài thơ.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| đi ☐ | xô ☐ | kêu ☐ | gọi ☐ | nói ☐ | vườn ☐ |
| về ☐ | nấu cơm ☐ | gai góc ☐ | giã gạo ☐ | cắt áo ☐ | bảo nhau ☐ |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

c. Viết một câu về một con vật trong bài thơ.

M: Cánh cam khóc vì lạc mẹ.

.....

.....

## TIẾT 5 – 6

**4** Quan sát tranh trong SHS trang 71, viết các từ ngữ chỉ sự vật, chỉ màu sắc của sự vật vào bảng dưới đây:

| Từ ngữ | | Từ ngữ | |
|---|---|---|---|
| Chỉ sự vật | Chỉ màu sắc của sự vật | Chỉ sự vật | Chỉ màu sắc của sự vật |
| M: con thuyền | M: nâu | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... | ..... |

**5** Viết 2 – 3 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 4.

M: Dòng sông uốn khúc quanh làng xóm.

.....

.....

.....

**6** Điền dấu câu phù hợp vào mỗi ô trống.

Mặt trời thấy cô đơn ☐ buồn bã vì phải ở một mình suốt cả ngày ☐ Mặt trời muốn kết bạn với trăng ☐ sao ☐ Nhưng trăng ☐ sao còn bận ngủ để đêm thức dậy chiếu sáng cho mặt đất.

## TIẾT 7 – 8

**7** Tìm và viết vào bảng dưới đây từ ngữ:

| | |
|---|---|
| Có tiếng bắt đầu là *c* hoặc *k* | M: cây phượng, ..... |
| | M: lạ kì,..... |
| Có tiếng bắt đầu là *g* hoặc *gh* | M: gặt lúa,..... |
| | M: con ghẹ,..... |
| Có tiếng bắt đầu là *ng* hoặc *ngh* | M: ngắm cảnh,..... |
| | M: suy nghĩ,..... |

**8** Viết 4 – 5 câu kể về việc em đã giúp đỡ người khác hoặc em được người khác giúp đỡ.

G: – Em đã giúp đỡ ai việc gì (hoặc ai đã giúp em việc gì)?

– Em (hoặc người đó) đã làm như thế nào?

– Em có suy nghĩ gì sau khi giúp đỡ (hoặc được giúp đỡ)?

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## TIẾT 9 – 10

**9** Đọc bài sau:

### MÂY ĐEN VÀ MÂY TRẮNG

Trên bầu trời cao rộng, mây đen và mây trắng đang rong ruổi theo gió. Mây trắng xốp, nhẹ, bồng bềnh như một chiếc gối bông xinh xắn. Mây đen vóc dáng nặng nề, đang sà xuống thấp.

Thấy mây đen bay thấp, mây trắng rủ:

– Chúng mình bay lên cao đi! Bay cao thú vị lắm!

– Cậu bay lên đi! – Mây đen nói – Tớ còn phải mưa xuống, ruộng đồng đang khô cạn vì hạn hán, muôn loài đang mong chờ tớ.

Mây trắng ngạc nhiên hỏi:

– Làm mưa ư? Cậu không sợ tan biến hết hình hài à?

Nói rồi mây trắng bay vút lên. Nó bị gió cuốn tan biến vào không trung.

Mây đen sà xuống thấp rồi hoá thành mưa rơi xuống ruộng đồng, cây cỏ,... Con người và vạn vật reo hò đón mưa.

Mưa tạnh, nắng lên rực rỡ. Nước ở ruộng đồng bốc hơi, bay lên, rồi lại kết lại thành những đám mây đen. Những đám mây đen hoá thành mưa rơi xuống... Cứ như thế, mây đen tồn tại mãi mãi.

(Theo *Ngụ ngôn chọn lọc*)

**Đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng.**

a. Trong câu chuyện, những sự vật nào được coi như con người?

☐ mây đen và mây trắng

☐ nắng và gió

☐ bầu trời và ruộng đồng

b. Mây trắng rủ mây đen đi đâu?

☐ rong ruổi theo gió

☐ bay lên cao

☐ sà xuống thấp

c. Vì sao mây đen không nghe theo mây trắng?

☐ Vì mây đen thích ngắm cảnh ruộng đồng, cây cỏ.

☐ Vì hạn hán, mây đen muốn làm mưa giúp người.

☐ Vì mây đen sợ gió thổi làm tan biến mất hình hài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

d. Chép lại câu văn trong bài cho thấy mây đen đem lại niềm vui cho con người và vạn vật.

.....

.....

e. Viết lại các từ chỉ đặc điểm trong câu dưới đây:

*Đám mây xốp, nhẹ trông như một chiếc gối bông xinh xắn.*

.....

g. Điền *dấu phẩy* vào vị trí phù hợp trong câu dưới đây:

*Trên bầu trời cao rộng, mây đen mây trắng đang rong ruổi theo gió.*

10 Viết 4 – 5 câu kể một việc em thích làm trong ngày nghỉ.

G:

– Em thích làm việc gì? (đọc sách, xem phim, vẽ tranh, đến chơi nhà người thân,...)

– Em làm việc đó cùng với ai? Em làm việc đó như thế nào?

– Em cảm thấy thế nào khi làm việc đó?



.....

.....

.....

.....

.....

.....

# TUẦN 28

## Bài 17 NHỮNG CÁCH CHÀO ĐỘC ĐÁO

1 Theo bài đọc, trên thế giới có những cách chào phổ biến nào?

.....

.....

2 Dựa vào bài đọc, nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B.

| A | B |
|---|---|
| Người Ma-ô-ri ở Niu Di-lân | chắp hai tay, cúi đầu. |
| Người Ấn Độ | chạm nhẹ mũi và trán. |
| Nhiều người ở Mỹ | vỗ tay. |
| Người Dim-ba-bu-ê | đấm nhẹ vào nắm tay của nhau. |

3 Chép lại câu hỏi có trong bài đọc và trả lời câu hỏi đó.

.....

.....

4 Điền từ chỉ hoạt động thích hợp vào mỗi chỗ trống.

vẫy bắt vỗ cúi

Thủ môn lớp 2B ..... bóng quá xuất sắc, khiến các cổ động viên vui sướng ..... cờ và hò hét ầm ĩ. Trong khi đó, tiền đạo

lớp 2A ..... đầu bần thần vì tiếc nuối. Một cầu thủ lớp 2A chạy đến ..... vai động viên bạn. Trận đấu lại tiếp tục.

5 Viết 1 – 2 câu về thầy giáo sẻ trong câu chuyện *Lớp học viết thư*.

.....

.....

.....

## Bài 18 THƯ VIỆN BIẾT ĐI

1 Dựa vào bài đọc, nối tên thư viện ở cột A với vị trí phù hợp ở cột B.

| A | B |
|---|---|
| Thư viện Lô-gô-xơ của Đức | đặt trên những chiếc xe buýt cũ |
| Nhiều thư viện ở Phần Lan | đặt trên lưng lạc đà |
| Một thư viện ở châu Phi | đặt trên một con tàu biển |

2 Vì sao các thư viện trên được gọi là "thư viện biết đi"?

.....

.....

3 Theo em, "thư viện biết đi" có tác dụng gì?

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**4** Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào cột thích hợp.

(*thư viện, thủ thư, đọc, tàu biển, nằm im, băng qua, xe buýt, lạc đà*)

| Từ ngữ chỉ sự vật | Từ ngữ chỉ hoạt động |
|---|---|
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

**5** Điền *d* hoặc *gi* vào chỗ trống.

.....u lịch .....ao tiếp .....ạy bảo

.....ỗ dành .....úp đỡ .....òng kẻ

**6** Chọn a hoặc b.

a. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

Phòng học là .....iếc áo

Bọc .....úng mình ở .....ong

Cửa sổ là .....iếc túi

.....e ..... ắn ngọn gió đông.

(*Theo* Nguyễn Lãm Thắng)

b. Đặt *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* trên chữ in đậm.

– Sách giúp chúng em **mơ** rộng **hiêu** biết.

– Cô phụ trách thư viện hướng **dân** các bạn **đê** sách vào đúng **chô** trên giá.

**7** Viết lời giải cho các câu đố về đồ dùng học tập.

a. Chẳng phải bò, chẳng phải trâu

Uống nước ao sâu, lên cày ruộng cạn.

Là.....

b. Da tôi màu trắng

Bạn cùng bảng đen

Hãy cầm tôi lên

Tôi làm theo bạn.

Là.....

**8** Điền *dấu chấm* hoặc *dấu chấm than* vào ô trống.

Chủ nhật, mẹ dẫn Bi đi hiệu sách☐ Cậu say sưa tìm hiểu hết cuốn này đến cuốn khác☐ Khi tìm thấy cuốn sách mình yêu thích, cậu reo lên:

– Mẹ ơi, cuốn này hay quá☐ Mẹ cho con mua cuốn này mẹ nhé☐

**9** Điền *dấu phẩy* vào vị trí phù hợp trong mỗi câu dưới đây:

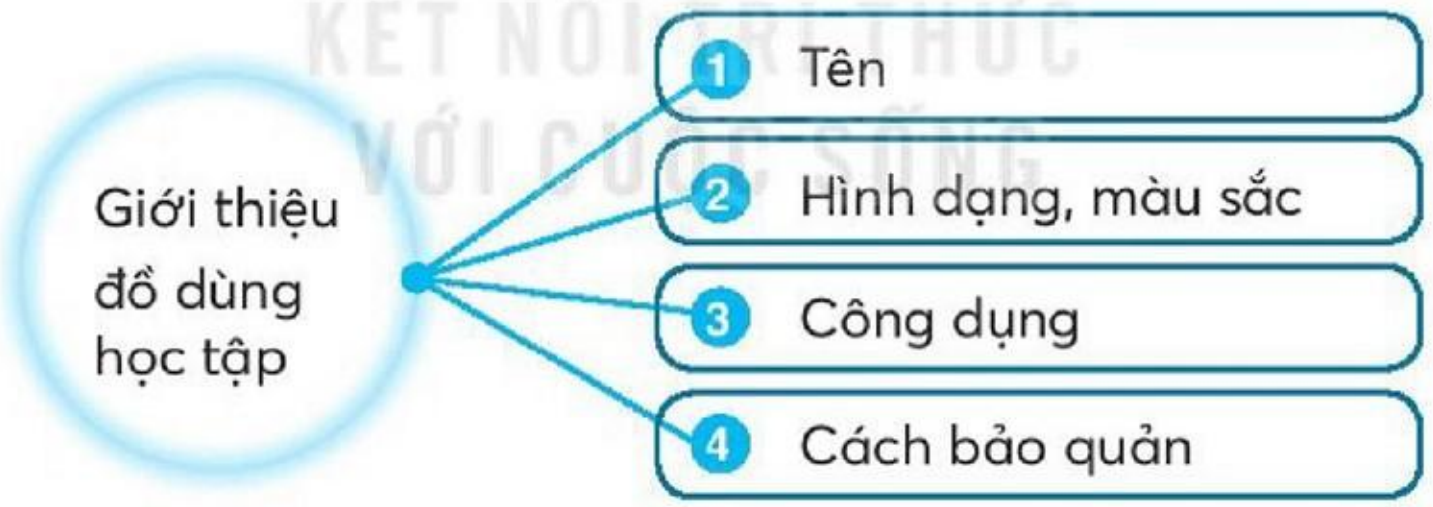
a. Sách báo tạp chí đều được xếp gọn gàng trên giá.

b. Bạn Mai bạn Lan đều thích đọc sách khoa học.

c. Học sinh lớp 1 lớp 2 đến thư viện đọc sách vào chiều thứ Năm hằng tuần.

**10** Viết 4 – 5 câu giới thiệu về một đồ dùng học tập của em.

G:




.....

.....

.....

.....

.....

# TUẦN 29

## Bài 19 CẢM ƠN ANH HÀ MÃ

**1** Khoanh vào từ ngữ có trong bài đọc thể hiện thái độ của hà mã khi cún nhờ đưa qua sông.

vui vẻ | phật ý | hài lòng | bực mình

**2** Câu nào dưới đây là câu hỏi lịch sự với người lớn tuổi? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Cô kia, về làng đi lối nào?
- ☐ Cậu quên lời cô dặn rồi à?
- ☐ Chào anh hà mã, anh giúp bọn em qua sông được không ạ?

**3** Viết lại những điều mà em đã học được từ bài đọc.

.....

.....

**4** Dựa vào bài đọc, viết tiếp các câu dưới đây:

a. Muốn ai đó giúp, em cần phải .....

.....

b. Được ai đó giúp, em cần phải .....

.....

**5** Sắp xếp các bức tranh dưới đây theo đúng trình tự của bài đọc.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Bài 20 TỪ CHÚ BỒ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT

1 Theo bài đọc, thời xưa, người ta đã gửi thư bằng những cách nào? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Dùng bồ câu để đưa thư
- ☐ Gửi thư qua đường bưu điện
- ☐ Bỏ thư vào chai thuỷ tinh
- ☐ Gửi thư qua in-tơ-nét

2 Ngày nay, chúng ta có thể trò chuyện với người ở xa bằng những cách nào?

.....

.....

3 Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào cột thích hợp.

(*trò chuyện, bức thư, trao đổi, bồ câu, chai thuỷ tinh, gửi, điện thoại*)

| Từ ngữ chỉ sự vật | Từ ngữ chỉ hoạt động |
|---|---|
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Viết tiếp để hoàn thành câu:

Nhờ có in-tơ-nét, bạn có thể .....

5 Tìm từ ngữ:

a. có tiếng chứa *eo*: M: chèo thuyền, .....

.....

b. có tiếng chứa *oe*: M: chim chích choè, .....

.....

**6** Chọn a hoặc b.

a. Điền *l* hoặc *n* vào chỗ trống.

Dòng sông mới điệu .....àm sao
.....ắng .....ên mặc áo .....ụa đào thướt tha
Trưa về trời rộng bao .....a
Áo xanh sông mặc như .....à mới may.

(*Theo* Nguyễn Trọng Tạo)

b. Tìm từ ngữ:

– có tiếng chứa *ên*: M: bến tàu, .....

.....

– có tiếng chứa *ênh*: M: mênh mông, .....

.....

**7** Viết từ ngữ chỉ hoạt động của các bạn nhỏ dưới mỗi tranh.







..... ..... .....

**8** Chọn dấu câu thích hợp điền vào mỗi ô trống.

Ti vi là bạn của cả gia đình em☐ Bố em thường thích xem thời sự☐ bóng đá☐ Mẹ em thích nghe nhạc☐ xem phim truyền hình☐ Còn em thích nhất là chương trình *Thế giới động vật*☐

**9** Viết tên 5 đồ dùng trong gia đình em và công dụng của chúng vào chỗ trống thích hợp.

| Tên đồ vật | Công dụng |
|---|---|
| M: Tủ lạnh | giữ thức ăn tươi lâu |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

**10** Viết 4 – 5 câu tả một đồ dùng trong gia đình em.

G:

– Tên đồ dùng là gì?

– Nó có gì nổi bật về hình dạng, kích thước, màu sắc,...?

– Nó được dùng để làm gì?

– Em có cảm nghĩ gì khi đồ dùng đó có trong nhà của mình?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# TUẦN 30

## Bài 21 MAI AN TIÊM

1 Dựa vào bài đọc, viết tiếp các câu dưới đây để giới thiệu loại quả Mai An Tiêm đã trồng.

– Quả có vỏ màu ....., ruột ....., hạt .....,
vị ..... .

– Quả đó có tên là ..... .

2 Gạch dưới từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn văn sau:

An Tiêm khắc tên mình vào quả rồi thả xuống biển, nhờ sóng đưa vào đất liền. Một người dân vớt được quả lạ đã đem dâng vua. Vua hối hận cho đón vợ chồng An Tiêm trở về.

3 Đặt một câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 2.

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Sắp xếp các tranh dưới đây theo đúng trình tự của bài đọc.









5 Viết 1 – 2 câu nêu suy nghĩ của em về nhân vật Mai An Tiêm.

.....

.....

## Bài 22 THƯ GỬI BỐ NGOÀI ĐẢO

1 Gạch dưới các từ ngữ chỉ sự vật trong 2 khổ thơ sau:

Tết con muốn gửi bố
Cái bánh chưng cho vui
Nhưng bánh thì to quá
Mà hòm thư nhỏ thôi.

Gửi hoa lại sợ héo
Đường ra đảo xa xôi
Con viết thư gửi vậy
Hẳn bố bằng lòng thôi.

2 Theo em, khổ thơ cuối của bài đọc muốn nói điều gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ Bố và các chú bảo vệ vùng biển, vùng trời quê hương.
☐ Bố và các chú xây hàng rào ở đảo.
☐ Bố và các chú là hàng rào chắn sóng, chắn gió.

3 Dựa vào bài đọc, xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào cột thích hợp.

(*giữ đảo, gửi thư, viết thư, giữ trời*)

| Từ ngữ chỉ hành động của bố | Từ ngữ chỉ hành động của con |
|---|---|
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

4 Viết 1 – 2 câu về tình cảm của em đối với một người thân ở xa.

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**5** Chọn tiếng phù hợp điền vào chỗ trống.

a. (*dang/ giang*): ..... tay, giỏi ....., dở .....

b. (*dành/ giành*): dỗ ..... , tranh ....., để .....

**6** Chọn a hoặc b.

a. Viết từ ngữ gọi tên loại quả có tiếng bắt đầu bằng *s* hoặc *x* dưới mỗi tranh.






..... ..... ..... .....

b. Điền *ip* hoặc *iêp* vào chỗ trống.

– Nhân d..... Tết, em viết một tấm th..... gửi lời chúc đến các chú bộ đội Trường Sa.

– Những con sóng liên t..... xô vào bờ.

**7** a. Viết từ ngữ chỉ tên nghề nghiệp dưới mỗi hình.





..... ..... .....





..... ..... .....

b. Dựa vào kết quả của mục a, chọn 4 từ ngữ chỉ những người làm việc trên biển để viết vào chỗ trống.

....., ....., ....., .....

**8** Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B để tạo câu.

| A | B |
|---|---|
| Những người dân chài ra khơi | để nuôi tôm cá. |
| Các chú bộ đội hải quân tuần tra | để đánh cá. |
| Người dân biển làm lồng bè | để canh giữ biển đảo. |

**9** Viết 4 – 5 câu để cảm ơn các chú bộ đội hải quân đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

G:

**Viết lời cảm ơn**

1. Mở đầu, em gửi lời chào đến các chú bộ đội hải quân.
2. Tiếp theo, em giới thiệu ngắn gọn về mình.
3. Em viết lời cảm ơn và nêu rõ lí do khiến em biết ơn các chú bộ đội hải quân.
4. Cuối cùng, em gửi lời chúc, lời chào đến các chú bộ đội hải quân.

# TUẦN 31

## Bài 23 BÓP NÁT QUẢ CAM

1 Vì sao Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Vì Quốc Toản căm thù quân giặc.
- ☐ Vì Quốc Toản không thích cam.
- ☐ Vì Quốc Toản ấm ức, không được vua cho dự bàn việc nước.

2 Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào cột thích hợp.

(*Trần Quốc Toản, vua, thuyền rồng, quả cam, lính, sứ thần, thanh gươm*)

| Từ ngữ chỉ người | Từ ngữ chỉ vật |
|---|---|
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

3 Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để tạo câu nêu hoạt động.

| | |
|---|---|
| Trần Quốc Toản | trẻ tuổi mà dũng cảm. |
| | là một cậu bé có lòng yêu nước. |
| | xô mấy người lính gác, xăm xăm xuống bến để gặp vua. |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**4** Sắp xếp các ý dưới đây theo đúng trình tự của bài đọc.

| | | |
|---|---|---|
| ○ Giặc Nguyên chuẩn bị xâm chiếm nước ta | ○ Quốc Toản xô lính gác, xuống bến | ○ Quốc Toản đợi gặp vua |
| ○ Vua ban cam cho Quốc Toản | ○ Quốc Toản cho mọi người xem cam quý | ○ Quốc Toản quỳ xin vua cho đánh giặc, xin chịu tội |

**5** Viết 1 – 2 câu về người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản.

.....

.....

## Bài 24 CHIẾC RỄ ĐA TRÒN

**1** Trong bài đọc, thấy chiếc rễ đa nằm trên mặt đất, Bác đã bảo chú cần vụ làm gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ Bác bảo chú cần vụ cuốn chiếc rễ lại và đặt dưới gốc cây.

☐ Bác bảo chú cần vụ vùi thẳng chiếc rễ xuống đất cho nó mọc tiếp.

☐ Bác bảo chú cần vụ cuốn chiếc rễ lại rồi trồng cho nó mọc tiếp.



**2** Điền từ (*cuốn, vùi, xới, trồng*) phù hợp vào mỗi chỗ trống.

a. Chú ..... chiếc rễ này lại rồi ..... cho nó mọc tiếp nhé!

b. Chú cần vụ ..... đất, ..... chiếc rễ xuống.

**3** Câu có *dấu chấm than* trong bài đọc được dùng để làm gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ Nêu yêu cầu, đề nghị

☐ Thể hiện cảm xúc

☐ Kể sự việc, hoạt động

**4** Viết tên của 2 nhân vật được nói đến trong chủ điểm *Con người Việt Nam*.

.....

.....

**5** Chọn a hoặc b.

a. Viết từ ngữ có tiếng chứa *iu* hoặc *ưu* dưới mỗi hình.







..... ..... .....

b. Điền *im* hoặc *iêm* vào chỗ trống.

đàn ch..... quả hồng x..... đứng ngh..... màu t.....

**6** Xếp các từ trong ngoặc đơn vào cột thích hợp.

(*yêu thương, kính yêu, chăm lo, nhớ ơn, kính trọng, quan tâm*)

| Từ chỉ tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi | Từ chỉ tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ |
|---|---|
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

**7** Dựa vào kết quả của bài tập 6, viết một câu:

a. về tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi.

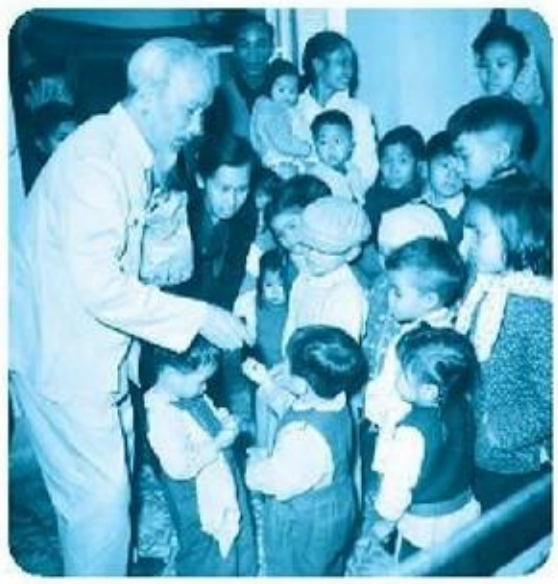
.....

.....

b. về tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ.

.....

.....



**8** Chọn từ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(*anh dũng, thân thiện, cần cù*)

a. Người dân Việt Nam lao động rất ..... .

b. Các chú bộ đội chiến đấu ..... để bảo vệ Tổ quốc.

c. Người Việt Nam luôn ..... với du khách nước ngoài.

**9** Viết 4 – 5 câu về một việc Bác Hồ đã làm trong câu chuyện *Chiếc rễ đa tròn*.

G:

– Em muốn viết về việc làm nào của Bác Hồ?

– Bác đã làm việc đó như thế nào?

– Em có suy nghĩ gì về việc làm của Bác?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# TUẦN 32

## Bài 25 ĐẤT NƯỚC CHÚNG MÌNH

**1** Sắp xếp các thẻ dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài đọc.

- ○ Các miền, khí hậu
- ○ Tên nước, thủ đô, lá cờ
- ○ Những người anh hùng
- ○ Trang phục truyền thống

**2** Lá cờ Tổ quốc ta được tả như thế nào trong bài đọc?

.....

.....

**3** Dựa vào nội dung bài đọc, điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thiện câu.

– Tên nước mình là .....

– Thủ đô nước mình là .....

– Đất nước mình có ba miền là .....

– Trang phục truyền thống của người Việt Nam là .....

**4** Xếp các tên riêng có trong bài đọc vào cột thích hợp.

| Tên riêng chỉ người | Tên riêng chỉ một vùng đất |
|---|---|
| M: Hai Bà Trưng, ..... | M: Việt Nam, ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Viết 1 – 2 câu về điều em thấy thú vị nhất trong câu chuyện *Thánh Gióng*.

.....

.....

.....



## Bài 26 TRÊN CÁC MIỀN ĐẤT NƯỚC

1 Chép lại các câu thơ nói về:

a. Xứ Nghệ

.....

.....

b. Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương

.....

.....

c. Đồng Tháp Mười

.....

.....

2 Viết lại những tên riêng được nhắc đến trong bài đọc.

.....

.....

3 Viết tên 2 – 3 tỉnh hoặc thành phố mà em biết.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**4** Chọn a hoặc b.

a. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

Bà còng đi .....ợ .....ời mưa

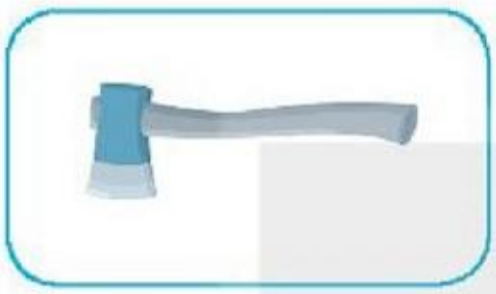
Cái tôm cái tép đi đưa bà còng.

Đưa bà đến quãng đường cong

Đưa bà vào tận ngõ .....ong nhà bà.

(*Ca dao*)

b. Điền tiếng chứa *iu* hoặc *iêu* vào chỗ trống.



cái .....



hạt .....



hạt .....

**5** Tìm từ ngữ chỉ sự vật tương ứng với mỗi lời giải thích.

| Từ ngữ chỉ sự vật | Lời giải thích |
|---|---|
| ..... | Món ăn gồm bánh phở và thịt, chan nước dùng. |
| ..... | Vật dùng để đội đầu, che mưa nắng, thường làm bằng lá, có hình chóp. |
| ..... | Trang phục truyền thống của người Việt Nam. |
| ..... | Đồ chơi dân gian, được nặn bằng bột màu hấp chín, thường có hình con vật. |

**6** Điền các từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 5 vào chỗ trống.

a. ..... là món quà sáng yêu thích của người Việt Nam.

b. Các bạn nhỏ thích thú ngồi nặn .....

c. Ngày 20 – 11, các cô giáo trường em thường mặc .....

d. ..... là món quà khách du lịch thường mua khi đến Huế.

**7** Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B để tạo thành câu giới thiệu.

| A | B |
|---|---|
| Hồ Ba Bể | là thành phố ngàn hoa. |
| Hang Sơn Đoòng | là hồ nước ngọt quý hiếm của Việt Nam. |
| Đà Lạt | là hang động lớn nhất thế giới. |

**8** Viết một câu giới thiệu về quê em hoặc nơi em ở.

.....

.....

**9** Viết tên đồ vật dưới mỗi hình.







.....

.....

**10** Viết 4 – 5 câu giới thiệu một đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ.

G: – Em muốn giới thiệu đồ vật gì?

– Đồ vật đó có điểm gì nổi bật? (về hình dạng, màu sắc,...)

– Đồ vật đó được dùng để làm gì?

– Em có nhận xét gì về đồ vật đó hoặc người làm ra đồ vật đó?

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# TUẦN 33

## Bài 27 CHUYỆN QUẢ BẦU

1 Nhờ đâu mà hai vợ chồng trong câu chuyện thoát khỏi nạn lũ lụt? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Nhờ dự đoán được nạn lũ lụt sắp tới
- ☐ Nhờ bà con dân bản báo trước
- ☐ Nhờ làm theo lời khuyên của con dúi

2 Viết 1 – 2 câu kể về những điều kì lạ trong câu chuyện.

.....

.....

3 Câu chuyện nói về điều gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Giải thích về nạn lũ lụt hằng năm
- ☐ Giải thích về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước ta
- ☐ Nêu cách phòng chống thiên tai, lũ lụt

4 Viết tên 3 dân tộc trong bài đọc.

.....

.....

5 Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

| A | B |
|---|---|
| Sấm chớp | héo vàng. |
| Cây cỏ | vắng tanh. |
| Mặt đất | ầm ầm. |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Bài 28 KHÁM PHÁ ĐÁY BIỂN Ở TRƯỜNG SA

1 Vẻ đẹp của những loài cá được miêu tả như thế nào trong bài đọc?

.....

2 Sau bài đọc, em biết thêm điều gì về biển ở Trường Sa?

.....

.....

3 Đánh dấu ✓ vào ô trống dưới các từ chỉ đặc điểm.

| đảo | biển | rực rỡ | khổng lồ | đẹp | san hô |
|---|---|---|---|---|---|
| ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

4 Đặt một câu với từ vừa chọn ở bài tập 3.

.....

5 Điền *it* hoặc *uyt* vào chỗ trống.

a. Chú mực ống cứ thấy kẻ lạ là phun mực đen k..... cả một vùng nước xanh.

b. Tàu ngầm trông như chiếc xe b..... chạy dưới đáy đại dương.

c. Cậu bé vừa đi vừa h..... sáo.

6 Chọn a hoặc b.

a. Điền tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu* vào chỗ trống.

– Ốc ..... sống trong ruộng lúa.

– Hội thi thả ..... được tổ chức trên bãi biển.

b. Viết từ ngữ có tiếng chứa *in* hoặc *inh* dưới mỗi hình.






..... ..... ..... .....

**7** Viết tên loài vật dưới mỗi hình.





..... ..... .....

**8** Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.

| A | B |
|---|---|
| Những con còng gió | bơi lội trong làn nước xanh. |
| Chim yến | đuổi nhau trên bãi cát. |
| Các loài cá | làm tổ trên vách đá ven biển. |

**9** Điền *dấu phẩy* hoặc *dấu chấm* vào ô trống.

Cả một thế giới sinh động☐ rực rỡ đang chuyển động dưới đáy biển☐ Cá hề☐ cá ngựa☐ mực ống☐ sao biển☐ tôm☐ cua len lỏi giữa rừng san hô☐ Chú rùa biển thân hình kềnh càng đang lững lờ bơi giữa đám sinh vật đủ màu sắc☐

**10** Viết 4 – 5 câu kể về một buổi đi chơi cùng người thân (hoặc thầy cô, bạn bè).

G: – Em đã được đi đâu, vào thời gian nào? Có những ai cùng đi với em?

– Mọi người đã làm những gì?

– Em và mọi người có cảm xúc như thế nào trong chuyến đi đó?

– Nêu cảm nghĩ của em về chuyến đi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# TUẦN 34

## Bài 29 HỒ GƯƠM

1 Bài văn tả những cảnh đẹp nào ở Hồ Gươm?

.....

.....

2 Khi nói "cầu Thê Húc cong cong như con tôm" là tác giả so sánh phương diện nào của cầu Thê Húc? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ hình dạng của cây cầu
- ☐ màu sắc của cây cầu
- ☐ chất liệu của cây cầu

3 Xếp các từ ngữ (*cong cong, rùa, lớn, trái bưởi, thanh kiếm, xum xuê*) vào cột thích hợp.

| Từ ngữ chỉ sự vật | Từ ngữ chỉ đặc điểm |
|---|---|
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

4 Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B để tạo câu.

| A | B |
|---|---|
| Mặt hồ | như con tôm. |
| Cầu Thê Húc cong cong | như trái bưởi. |
| Đầu rùa to | như chiếc gương bầu dục lớn. |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Viết 1 – 2 câu về những điều em thấy thú vị về quê hương, đất nước.

.....

.....

## Bài 30 CÁNH ĐỒNG QUÊ EM

1 Trong bài thơ, đàn chiền chiện và lũ châu chấu làm gì trên cánh đồng?





.....

.....

2 Tìm trong bài thơ từ ngữ chỉ màu sắc của:

a. mặt trời: .....

b. ánh nắng: .....

c. đồng lúa: .....

3 Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào cột phù hợp.

(*vầng dương, đỏ rực, kim cương, vàng óng, ngọn cỏ, hoa, xanh, bay, đu, uống, lụa tơ, sương, hát, mênh mông*)

| Từ ngữ chỉ sự vật | Từ ngữ chỉ hoạt động | Từ ngữ chỉ đặc điểm |
|---|---|---|
| M: vầng dương, | M: bay, ..... | M: đỏ rực, ..... |
| ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**4** Chọn từ ngữ phù hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(*Một Cột, Bến Thành, Tràng Tiền, Hạ Long*)



Chùa ..... ở Hà Nội.



Cầu ..... ở thành phố Huế.



Vịnh ..... là một thắng cảnh nổi tiếng thế giới.



Chợ ..... là chợ lớn nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh.

**5** Chọn a hoặc b.

a. Điền *r, d* hoặc *gi* vào chỗ trống.

– Mùa gặt, đường làng phủ đầy .....ơm vàng.

– Mọi .....òng sông đều đổ về biển cả.

– Các chú bộ đội đang canh .....ữ biển trời Tổ quốc.

b. Đặt *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* trên chữ in đậm.

Bàn tay ta làm nên tất **ca**
Có sức người, **soi** đá **cung** thành cơm.

(*Theo* Hoàng Trung Thông)

**Đa** ai lên rừng cọ
**Giưa** một buổi trưa hè
Gối đầu lên **tham co**
Nhìn trời xanh lá che...

(*Theo* Nguyễn Viết Bình)

6 Nối từ ở dòng A với từ phù hợp ở dòng B để tạo từ ngữ chỉ công việc của người nông dân.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| A | cày | gặt | gieo | bón | tưới |
| B | lúa | mạ | phân | nước | ruộng |

7 Viết 4 – 5 câu kể về công việc của một người mà em biết.

G:

– Em muốn kể về ai? Người đó làm công việc gì?

– Người đó làm việc ở đâu?

– Công việc đó đem lại lợi ích gì?

– Em có suy nghĩ gì về công việc đó?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

8 Lớn lên em muốn làm nghề gì? Hãy viết về ước mơ của em.

# ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

## TUẦN 35

## PHẦN I – ÔN TẬP

### TIẾT 1 – 2

1 Viết tên 5 bài đọc ở lớp 2 mà em yêu thích.

.....

.....

2 Viết một câu về bài đọc em thích nhất.

G: Em viết câu nêu lí do yêu thích bài đọc đó hoặc nêu chi tiết, nhân vật trong bài đọc khiến em nhớ nhất.

.....

.....

### TIẾT 3 – 4

3 Đọc bài thơ *Thăm bạn ốm* trong SHS trang 134. Tưởng tượng em là bạn cùng lớp với thỏ nâu. Vì có việc bận, em không đến thăm thỏ nâu được. Hãy viết 2 – 3 câu an ủi, động viên thỏ nâu và nhờ các bạn chuyển giúp.

.....

.....

.....

.....

4 Quan sát tranh trong SHS trang 135, tìm và viết các từ ngữ vào cột thích hợp.

| Từ ngữ chỉ sự vật | | | |
|---|---|---|---|
| Chỉ người | Chỉ đồ vật | Chỉ con vật | Chỉ cây cối |
| M: trẻ em,<br>.....<br>..... | .....<br>.....<br>..... | .....<br>.....<br>..... | .....<br>.....<br>..... |

| Từ ngữ chỉ đặc điểm | Từ ngữ chỉ hoạt động |
|---|---|
| M: tươi vui, .....<br>.....<br>..... | M: chạy nhảy, .....<br>.....<br>..... |

5 Đặt câu theo yêu cầu:

| | |
|---|---|
| a. Câu có từ ngữ chỉ sự vật (câu giới thiệu sự vật).<br>M: Đây là **công viên**. | .....<br>.....<br>..... |
| b. Câu có từ ngữ chỉ đặc điểm (câu nêu đặc điểm).<br>M: Công viên hôm nay **đông vui**. | .....<br>.....<br>..... |
| c. Câu có từ ngữ chỉ hoạt động (câu nêu hoạt động).<br>M: Mọi người **đi dạo** trong công viên. | .....<br>.....<br>..... |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# TIẾT 5 – 6

**6** Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của loài vật (theo mẫu).

| | |
|---|---|
| (1) chim chích bông<br>M: nhỏ xíu, ..... | (2) con mèo<br>M: dễ thương, ..... |
| (3) chim công<br>M: lộng lẫy, ..... | (4) con sóc<br>M: nhanh nhẹn, ..... |

**7** Điền *dấu chấm* hoặc *dấu phẩy* vào ô trống.

Vào ngày hội, đồng bào các buôn xa ☐ bản gần nườm nượp kéo về buôn Đôn ☐ Tất cả đều đổ về trường đua voi.

Khi lệnh xuất phát vang lên, voi cuốn vòi chạy trong tiếng reo hò của người xem cùng tiếng chiêng ☐ tiếng trống ☐ tiếng khèn vang dậy.

(*Theo* Ay Dun và Lê Tấn)

# TIẾT 7 – 8

**8** Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ theo mẫu.

| | Các từ ngữ tìm được |
|---|---|
| ch – tr | M: che chở, ..... |
| | M: tre trúc, ..... |
| s – x | M: sách vở, ..... |
| | M: xách túi, ..... |
| l – n | M: quạt nan, ..... |
| | M: lan toả, ..... |

b. Tìm từ ngữ theo mẫu.

| | Các từ ngữ tìm được |
|---|---|
| dấu hỏi<br>dấu ngã | M: vỏ cam, ..... |
| | M: múa võ, ..... |
| at – ac | M: khát nước, ..... |
| | M: đổi khác, ..... |
| im – iêm | M: kim khâu, ..... |
| | M: múa kiếm, ..... |

9 Viết 4 – 5 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em khi năm học sắp kết thúc.

G:

– Em có suy nghĩ gì khi năm học sắp kết thúc?

– Em cảm thấy thế nào nếu mấy tháng nghỉ hè không đến trường?

– Em sẽ nhớ nhất điều gì về trường lớp, về thầy cô khi nghỉ hè?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

1 Đọc bài sau:

## CÁNH CHIM BÁO MÙA XUÂN

Bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông sống trên bốn ngọn núi. Năm ấy không hiểu vì sao, mùa đông kéo dài lê thê. Muôn loài khổ sở vì rét, bèn cử chim công có sắc đẹp lộng lẫy nhất đi đón nàng tiên mùa xuân. Nhưng đường xa, gió lạnh, công bị ốm, phải quay về.

Sư tử liền đi thay công. Cậy khoẻ, sư tử đi không nghỉ, nhưng rồi đuối sức dần, không đi tiếp được.

Chim én nói:

– Mẹ cháu ho ngày càng nặng. Không có nắng ấm mùa xuân, mẹ cháu khó qua khỏi. Cháu xin đi!

Muông thú đồng ý. Chim én mẹ nhổ lông cánh tết thành chiếc áo choàng cho con. Én con bay mãi, bay mãi, cuối cùng cũng đến chỗ ở của nàng tiên mùa xuân. Én con thấy một chú chim co ro bên đường liền cởi áo choàng đắp cho bạn. Chú chim bỗng biến mất, nàng tiên mùa xuân hiện ra:

– Con thật hiếu thảo, nhân hậu và dũng cảm! Ta chọn con làm sứ giả của mùa xuân.

Én con trở về cùng nàng tiên mùa xuân. Từ đó, mỗi khi thấy chim én bay liệng, muôn loài biết rằng mùa xuân sắp về.

(Theo *Kể chuyện cho bé*)

**Đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng.**

a. Lúc đầu, muông thú chọn con vật như thế nào để đi đón nàng tiên mùa xuân?

☐ Có sắc đẹp

☐ Có sức khoẻ

☐ Có lòng dũng cảm

b. Con vật nào đã được cử đi đầu tiên?

☐ chim công

☐ chim én

☐ sư tử

c. Vì sao chim én xin đi đón nàng tiên mùa xuân?

☐ Vì chim én biết mình bay nhanh.

☐ Vì chim én khoẻ hơn công và sư tử.

☐ Vì chim én muốn đem nắng ấm về cho mẹ.

**Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu:**

d. Nhờ đâu chim én đến được nơi ở của nàng tiên mùa xuân, không bỏ về giữa chừng?

.....

e. Khi nào nàng tiên mùa xuân mới hiện ra trước mắt chim én?

.....

g. Vì sao chim én được chọn làm sứ giả của mùa xuân?

.....

h. Điền dấu câu thích hợp vào mỗi ô trống dưới đây:

Muông thú đói☐ rét☐ ốm đau vì mùa đông kéo dài.

**2** Chọn a hoặc b.

a. Điền *s* hoặc *x* vào chỗ trống.

Hàng chuối lên ....anh mướt
Phi lao reo trập trùng
Vài ngôi nhà ngói đỏ
In bóng ....uống dòng ....ông.

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

b. Đặt *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* trên chữ in đậm.

Một bác chài lặng **le**
Buông câu trong bóng chiều
**Bông** nhiên con cá **nho**
**Nhay** lên thuyền như trêu.

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

**3** Viết 4 – 5 câu kể lại một hoạt động ở trường hoặc lớp em (biểu diễn văn nghệ, đi tham quan, đồng diễn thể dục,...).

G:

– Trường (hoặc lớp em) đã tổ chức hoạt động gì? Ở đâu?

– Hoạt động đó có những ai tham gia? Mọi người đã làm những việc gì?

– Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

**Vở bài tập Tiếng Việt 2 – tập hai**
**Mã số: G1BH2V002H21**
In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 17 x 24cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: 93-2021/CXBIPH/6-31/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-25107-7

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH




## BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 2 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập một
2. Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập hai
3. Tập viết 2, tập một
4. Tập viết 2, tập hai
5. Vở bài tập Toán 2, tập một
6. Vở bài tập Toán 2, tập hai
7. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2
8. Vở bài tập Đạo đức 2
9. Vở bài tập Mĩ thuật 2
10. Vở bài tập Âm nhạc 2
11. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2
12. Sách bài tập Tiếng Anh 2


**Các đơn vị đầu mối phát hành**

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

**Sách điện tử:** http://hanhtrangso.nxbgd.vn


Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.


ISBN 978-604-0-25107-7

9 786040 251077

*Giá: 14.000 đ*